

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ EA SÚP
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HUỲNH THÚC KHÁNG
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học cơ sở Huỳnh Thúc Kháng.

2. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 4, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Điện thoại: 02623709889

Trang thông tin điện tử : <http://c2huynhthuckhang-easup.daklak.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục : Trường phổ thông công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

- **Sứ mạng:** Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, nền nếp - kỷ cương, chất lượng cao để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, phát triển tài năng của mình.

- **Tầm nhìn:** Xây dựng trường THCS Huỳnh Thúc Kháng trở thành một trong những trường top đầu của ngành giáo dục huyện Ea Súp về chất lượng mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên, vươn tới trường chất lượng cao.

- **Mục tiêu:** Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, theo hướng tiên tiến, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng được thành lập theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 19/5/2006 của UBND huyện Ea Súp, chính thức hoạt động từ năm học 2006-2007.

- Qua quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường đã đạt được nhiều thành tích trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và chất lượng học sinh giỏi, tạo được niềm tin với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, là địa chỉ tin cậy của học sinh, cha mẹ học sinh và nhân dân. Được sự ủng hộ của lãnh đạo các cấp ở địa phương, với sự nỗ lực cố gắng của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh nhà trường đã phấn đấu xây dựng trường chuẩn quốc gia và đã được UBND tỉnh công nhận Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I vào tháng 12/2019.

- Nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch Tự đánh giá CLGD, cải tiến chất lượng hàng năm, nhằm giữ vững và nâng cao chất lượng Trường đạt chuẩn quốc gia qua từng năm học. Ngày 31/12/2024 Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1273/QĐ-SGDĐT công nhận trường đạt tiêu chuẩn KĐCL cấp độ 2; ngày 21/01/2025 Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 131/QĐ-UBND công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Lê Văn Ngân

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Số điện thoại: 0978889848

Địa chỉ thư điện tử: levannnganeas@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập: Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 19/5/2006 của UBND huyện Ea Súp.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường: Quyết định số 3446/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND huyện Ea Súp về việc kiện toàn Hội đồng trường, Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng; Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của UBND huyện Ea Súp về việc kiện toàn Hội đồng trường, Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng; Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của UBND huyện Ea Súp về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường, Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng; Quyết định số 3950/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND huyện Ea Súp về việc kiện toàn Hội đồng trường, Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng nhiệm kỳ 2020-2025; các Quyết định của Hiệu trưởng về việc kiện toàn Hội đồng trường hàng năm khi có thay đổi về nhân sự.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 28/8/2024 của UBND huyện Ea Súp, về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Huỳnh Thúc Kháng đối với ông Lê Văn Ngân.

- Quyết định số 3253/QĐ-UBND ngày 28/8/2024 của UBND huyện Ea Súp, Bổ nhiệm lại Phó hiệu trưởng Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng đối với ông Phạm Văn Việt.

d) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

1. Lê Văn Ngân Chức vụ: Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0978889848

Email: levannganeas@gmail.com

Địa chỉ làm việc: Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng, Thôn 4, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Nhiệm vụ: Phụ trách chung, công tác Đảng, công tác tổ chức, đối ngoại, tài chính, Thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

2. Phạm Văn Việt Chức vụ: Phó Bí thư chi bộ, Phó hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn (đến hết tháng 5/2025).

Số điện thoại: 0377929595

Email: phamvanviethtk@gmail.com

Địa chỉ làm việc: Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng, Thôn 4, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Nhiệm vụ: Phụ trách công tác chuyên môn, cơ sở vật chất, an ninh trật tự, kiểm tra nội bộ, Công đoàn, công tác kiểm tra, giám sát của chi bộ.

3. Lê Đức Năng Chức vụ: Chi uỷ viên chi bộ, Phó Chủ tịch Công đoàn; Tổ trưởng Tổ Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Giáo dục Thể chất.

Số điện thoại: 0834882626

Email: leducnanghtk@gmail.com

Địa chỉ làm việc: Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng, Thôn 4, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Nhiệm vụ: Phụ trách Tổ chuyên môn; công tác Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của chi bộ.

4. Vũ Thị Kim Thoa

Chức vụ: Ủy viên BCH Công đoàn; Tổ trưởng Tổ

Toán – Tin học.

Số điện thoại: 0336318211 Email: kimthoahtk02@gmail.com

Địa chỉ làm việc: Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng, Thôn 4, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Nhiệm vụ: Phụ trách Tổ chuyên môn; công tác nữ công công đoàn.

5. Nguyễn Thị Thanh Chức vụ: Tổ trưởng Tổ Khoa học xã hội.

Số điện thoại: 0948600748 Email: thanh020583@gmail.com

Địa chỉ làm việc: Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng, Thôn 4, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Nhiệm vụ: Phụ trách Tổ chuyên môn.

6. Nguyễn Thị Nga Chức vụ: Tổ trưởng Tổ Văn phòng

Số điện thoại: 0338516384 Email: nguyenngahtk@gmail.com

Địa chỉ làm việc: Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng, Thôn 4, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Nhiệm vụ: Phụ trách Tổ Văn phòng, làm công tác Văn thư, Thủ quỹ trường.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- **Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục:** Kế hoạch số 06 /KH-THCS ngày 14/02/2023 của Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng rà soát, sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 44/KH-THCS ngày 17/12/2020 của nhà trường về Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; được UBND xã Cư M' Lan xác nhận, được Phòng GDĐT huyện Ea Súp phê duyệt.

- **Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục:** Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, được Hội nghị VC, NLD năm học 2024-2025 của nhà trường thông qua, được ban hành kèm theo Quyết định số 45/QĐ-THCS ngày 14/10/2024 của Hiệu trưởng Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng.

- **Các nghị quyết của hội đồng trường:** Nghị quyết ngày 13/8/2024 của Hội đồng trường THCS Huỳnh Thúc Kháng; Nghị quyết số 01/NQ-THCS ngày 14/10/2024 của Hội nghị viên chức và người lao động Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng Năm học 2024 – 2025; Kế hoạch số 34/KH-THCS ngày 14/10/2024 của Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng về Kế hoạch Thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025.

- **Quy định về quản lý hành chính, nhân sự:** Quy tắc ứng xử trong nhà trường, được ban hành kèm theo Quyết định số 46/QĐ-THCS ngày 14/10/2024 của Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng; Quy định về Thực hiện nội quy, nề nếp, kỷ luật, đánh giá, xếp loại, xét đề nghị khen thưởng đối với viên chức, người lao động, được ban hành kèm theo Quyết định số 50/QĐ-THCS ngày 21/10/2024 của Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng.

- **Quy chế quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, tài sản:** Quy chế quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, tài sản của Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng, được ban hành kèm theo Quyết định số 51/QĐ-THCS ngày 21/10/2024 của Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng.

- **Quy chế chi tiêu nội bộ:** Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng, được Hội nghị VC, NLD năm học 2024-2025 thông qua, được ban hành kèm theo Quyết định số 52 /QĐ-THCS ngày 21/10/2024 của Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

STT	Vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ đào tạo	Ghi chú
1	Cán bộ quản lý	2	Đại học	1 HT, 1 PHT
2	Giáo viên	19	Đại học	8 hạng II, 10 hạng III, 1 hợp đồng NĐ 111
3	Nhân viên	5	Trung cấp	1 Văn thư, 1 kế toán, 1 Thiết bị, 1 Thư viện, 1 Y tế
4	Hợp đồng lao động	1		Bảo vệ

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 21/21 (100%) cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 27/27 (100%) giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Diện tích khu đất xây dựng trường: 15.571,5 m².

- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: 45, 8 m²/học sinh (so với yêu cầu tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT là 10 m²/học sinh).

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Khu phòng hành chính quản trị: Có 3 phòng làm việc, 1 phòng họp.

- Khối phòng học tập: Có 10 phòng học.

- Khối phòng hỗ trợ học tập: Có 1 phòng thiết bị thí nghiệm thực hành, 1 phòng Tin học; 1 Thư viện, 1 dãy phòng học bộ môn (4 phòng).

- Khối phụ trợ: Có nhà đa chức năng, phòng Đội, Y tế học đường, phòng bảo vệ.

- Khu sân chơi, thể dục thể thao: Đủ diện tích sân chơi, dạy thể dục thể thao.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Mỗi lớp học có 1 Tivi kết nối Internet để phục vụ dạy học.

- Số thiết bị dạy học: 2 bộ/khối lớp; chưa đồng bộ, còn thiếu so với yêu cầu.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

TT	Môn học/HĐGD	Lớp 6 (Tên bộ sách)	Lớp 7 (Tên bộ sách)	Lớp 8 (Tên bộ sách)	Lớp 9 (Tên bộ sách)
1	Ngữ văn	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Tiếng Anh	Friends Plus	i-Learn Smart World	i-Learn Smart World	i-Learn Smart World
4	Khoa học tự nhiên	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Lịch sử và Địa lý	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Giáo dục công dân	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Mỹ thuật	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Giáo dục thể chất	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo (bản 1)	Chân trời sáng tạo (bản 1)	Chân trời sáng tạo (bản 1)
13	Giáo dục Địa	GDĐP lớp 6	GDĐP lớp 7	GDĐP lớp 8	GDĐP lớp 9

	phương	(Đắc Lắc)	(Đắc Lắc)	(Đắc Lắc)	(Đắc Lắc)
--	--------	-----------	-----------	-----------	-----------

- Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Tổng số sách trong thư viện: 3.359 bản; trong đó:

- + Sách nghiệp vụ: 500 bản
- + Sách tham khảo: 1044 bản
- + Sách giáo khoa: 1008 bản
- + Sách giáo viên: 534 bản
- + Sách truyện thiếu nhi: 761 bản

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Kết quả Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường:

Đánh giá tiêu chí Mức 1, Mức 2, Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học				
Tiêu chí 3.1		X	X	X

Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 2

Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

Kết luận: Trường đạt mức 2

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Hàng năm, nhà trường đều thực hiện Tự đánh giá, cải tiến chất lượng, phát huy các điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Trong những năm vừa qua, chất lượng giáo dục học sinh của nhà trường được giữ vững và có nhiều tiến bộ.

+ Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Hàng năm tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng do các cấp tổ chức; thực hiện kế hoạch tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; đề nghị Phòng GDĐT, UBND huyện cử giáo viên đi đào tạo để đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định; bố trí thời gian để giáo viên, nhân viên tham gia các lớp đào tạo

nâng cao trình độ theo nguyện vọng; báo cáo các cơ quan có thẩm quyền, xin bố trí đủ số lượng giáo viên theo quy định.

+ Về công tác duy trì sĩ số học sinh: Vận động cán bộ, giáo viên, nhân viên quyên góp quỹ hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn; vận động, tiếp nhận tài trợ của các cá nhân, tổ chức giúp đỡ kinh phí, hiện vật học sinh có hoàn cảnh khó khăn; vận động học sinh tặng quần áo, sách giáo khoa cho bạn nghèo; cử giáo viên thăm hỏi gia đình học sinh, vận động học sinh đi học, hạn chế thấp nhất học sinh bỏ học.

+ Về công tác nâng cao chất lượng học sinh: Tổ chức phụ đạo cho học sinh yếu để nâng cao chất lượng đại trà; bồi dưỡng học sinh giỏi để nâng cao chất lượng mũi nhọn.

+ Công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để giáo dục học sinh: Nhà trường tổ chức Hội nghị CMHS các lớp, hội nghị CMHS trường hàng năm để thống nhất kế hoạch, giải pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình để quản lý, giáo dục học sinh; có sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả giữa nhà trường với các ban ngành, đoàn thể xã Cư M'lan (Công an, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã, Trạm Y tế xã, . .) để giáo dục, chăm sóc sức khỏe cho học sinh, tổ chức cho học sinh tham gia các công tác xã hội, sinh hoạt hè ở địa phương theo kế hoạch.

+ Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng: Hàng năm, nhà trường đều làm báo cáo Phòng GDĐT, UBND huyện nhu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy học, quản lý nhà trường theo mức độ cấp thiết; đã được các cơ quan có thẩm quyền xem xét, đầu tư các hạng mục công trình, bổ sung thiết bị dạy học hàng năm cơ bản đáp ứng nhu cầu tối thiểu theo nguồn ngân sách của huyện; hàng năm nhà trường giành một phần kinh phí chi thường xuyên để sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị, tài liệu phục vụ dạy học và quản lý nhà trường.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Hàng năm, nhà trường đều thực hiện Tự đánh giá, cải tiến chất lượng, phát huy các điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Trong những năm vừa qua, chất lượng giáo dục học sinh của nhà trường được giữ vững và có nhiều tiến bộ, các tiêu chí về chất lượng giáo dục cơ bản đạt mức 3.

- Tháng 12/2024 được đánh giá ngoài, công nhận Trường đạt Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ II, được công nhận Trường chuẩn quốc gia mức độ I.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

- Tuyển sinh vào lớp 6: Năm học 2024-2025 là 96 học sinh; giảm so với năm học 2023-2024 là 7 học sinh (năm học 2023-2024 tuyển vào lớp 6 là 103 học sinh).

- Tổng số học sinh năm học 2023-2024: 338 học sinh, tăng so với năm học 2023-2024 là 30 học sinh (năm học 2023-2024 số học sinh cuối năm học là 308 học sinh).

- Số học sinh cuối năm: 326 học sinh (3 lớp 6 = 96 học sinh; 3 lớp 7 = 98 học sinh; 2 lớp 8 = 79 học sinh; 2 lớp 9 = 66 học sinh).

- Số học sinh học 2 buổi/ngày: Không.

- Số học sinh nam 176, học sinh nữ 150; học sinh là người dân tộc thiểu số 99.

- Học sinh khuyết tật: 01.

- Học sinh chuyển trường: 4 học sinh; học sinh chuyển trường đến: 3 học sinh.

- Học sinh nghỉ học 11 học sinh (trong đó 4 học sinh nghỉ trong hè).

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

- Học tập: Tốt 71 (21,78%); Khá 88 (29,99%); Đạt 164 (50,31%); Chưa đạt 2 (0,61%).

- Rèn luyện: Tốt 280 (55,89%); Khá 46 (14,11%); Đạt 0 (0,0%); Chưa đạt 0 (0,0%).

- Số học sinh lớp 6, 7, 8 được lên lớp: 258/260 (99,23%); ở lại lớp 2/260 (0,07%).

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS 66/66 (100%).

- Học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp 10/66 (15,15%)

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

- **Ngân sách nhà nước: 9.385.706.000đ**

+ **Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên: 8.414.735.000đ**

• Quỹ tiền lương: 8.067.585.000

• Chi hoạt động: 347.150.000

+ **Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên: 970.971.000**

• Sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung CSVC: 70.250.000

• Chế độ của Nghị định 76/2019/NĐ-CP: 2.593.806.000

• Kinh phí cải cách tiền lương: 10.332.000

• Kinh phí khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP: 281.474.000

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ

người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

- Các khoản chi:

STT	Nội dung chi	Mục	Số tiền
1	Tiền lương	6000	1.406.274.000
2	Phụ cấp lương	6100	2.206.378.000
3	Các khoản đóng góp	6300	414.329.000
4	Thanh toán dịch vụ công cộng	6500	13.786.000
5	Vật tư văn phòng	6550	70.365.000
6	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6600	29.016.000
7	Phúc lợi tập thể	6250	30.485.000
8	Công tác phí	6700	9.050.000
9	Chi phí thuê mướn (Thuê hợp đồng...)	6750	84.032.000
10	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	6900	58.569.000
11	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	7000	31.884.000
12	Mua sắm tài sản vô hình	7050	110.000
13	Chi khác	7750	26.024.000
14	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	6050	77.190.000
15	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học (HS khuyết tật)	6150	9.916.000
16	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	6400	7.956.000
17	Tiền thưởng khác	6200	7.000.000
	Tổng cộng		4.482.364.000

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ

+ Học kỳ 1 năm học 2024-2025 (273 HS): 163.956. 000

+ Học kỳ 2 năm học 2024-2025 (264 HS): 197.850.000

- Hỗ trợ học sinh nhà cách xa 7 km trở lên theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ

+ Học kỳ 1 năm học 2024-2025 (14 HS): 64.260.000

+ Học kỳ 2 năm học 2024-2025 (14 HS) Thực hiện theo NĐ 66 chưa chi, chờ phòng cấp đủ kinh phí.

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Không.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Tham gia các hội thi, cuộc thi cấp huyện:

- Cùng với trường Tiểu học Cư M' Lan tham gia Hội thi “Giai điệu tuổi hồng” huyện Ea Súp năm 2024 đoạt giải nhì toàn đoàn, có 1 tiết mục đạt giải nhất.
- Có 2 dự án tham gia Cuộc thi KHKT dành cho học sinh trung học cấp huyện năm học 2024-2025, với kết quả 1 dự án được công nhận, 1 dự án đoạt giải nhì.
- Tham gia Kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THCS cấp huyện, kết quả 8 học sinh đoạt giải (1 giải nhì, 1 giải ba, 6 giải khuyến khích),
- Tham gia cuộc thi vẽ tranh do Hội đồng đội huyện tổ chức, đạt 1 giải C; tham gia cuộc thi vẽ tranh dành cho học sinh tiểu học, THCS kết quả đạt 1 giải Khuyến khích.
- Tham gia cuộc thi học sinh tuyên truyền giới thiệu sách năm 2025 của huyện Ea Súp, kết quả đạt giải khuyến khích.

2. Tham gia các hội thi, cuộc thi cấp tỉnh:

Tham gia Hội thi “Giai điệu tuổi hồng” cấp tỉnh, kết quả đạt giải ba.
 Có 1 dự án Khoa học kỹ thuật được chọn cử tham gia Cuộc thi cấp tỉnh.
 Có 3 học sinh được chọn tham gia kỳ thi học sinh giỏi bậc THCS cấp tỉnh.

Những học sinh vi phạm khuyết điểm đều được nhà trường quan tâm, phối hợp với gia đình và các cơ quan, đoàn thể địa phương giáo dục kịp thời, không để xảy ra tình trạng vi phạm khuyết điểm nặng đến mức phải xử lý kỷ luật.

Ea Súp, ngày 15 tháng 8 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)



Lê Văn Ngân